.
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH A

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49 /2017/HS-ST
Ngày: 02 / 11 / 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Huy – Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố D, tỉnh A;

- Ông Nguyễn Trương Bảo Anh – CB giao thông thủy lợi phường Châu Phú B, thành phố D, tỉnh A.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh A.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh A tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017, tại khu vực phường Châu Phú B, Toà án nhân dân thành phố D xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2017/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Tiết Thái H, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ 08A, khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố D, tỉnh A; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Tiết Sanh Lễn và bà La Ngọc Yến; anh, em ruột: có 02 người, bị cáo là con út.

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/5/2017 đến nay có mặt.

Người bị hại:

1. Nguyễn Tiến Th sinh năm 1990; nơi cư trú: Tiêu Long, xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

2. Nguyễn Thị Kim Nh, sinh năm 1993; nơi cư trú: số 7/222, khu phố Thanh Bình B, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Phan Thị Hồng D, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp Chánh, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Chánh, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Lê Hà Anh T, sinh năm 1974; nơi cư trú; số 10, Nguyễn Tri Phương, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

6. Trần Thị Bích L; nơi cư trú: khu 5, ấp H Hiệp, xã Ngọc Định, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

7. Tô Kim M; nơi cư trú: ấp 1, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

8. Phạm Trung H; nơi cư trú: số 198, Hải Phòng, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

09. Vương Nhật M; nơi cư trú: K3P, phường Cửu Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

10. Phạm Huyền G, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu Đá Cóc, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

11. Vũ Tiến T1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Đinh Tiên Hoàng, -TDP3- thị trấn Chư xê, huyện Chư Xê, tỉnh Gia Lai.

12. Phạm Văn Th1, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp 1, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đặng, tỉnh Bình Phước.

13. Nguyễn Thế A, sinh năm 1978; nơi nơi cư trú: 88/16, Thiên Lỗi, Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phong.

14. Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1980; nơi cư trú: 23A Xóm Mới, Tôn Đức Thắng, Sỡ Dầu, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

15. Vũ Văn Th2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn 5, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

16. Phạm Văn Kh, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp Khánh Bình, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

17. Lê Minh Ph, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp 1, xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

18. Lê Thanh D, sinh năm 1981; nơi cư trú: Lương Phú B, Lương H Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

19. Nguyễn Thành D1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh H.

20. Dư Bình Ph, sinh năm 1966; nơi cư trú: Khu vực 3, phường Thuận An, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

21. Phan Hoài H1, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp Thanh Nghĩa, xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

22. Trần Thanh L, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 234/3 Đống Đa, khu phố 5, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

23. Phạm Trường G, sinh năm 1979; nơi cư trú: 22A, Điện Biên Phủ, khóm 4, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

24. Tô Thanh T2, sinh năm 1978; nơi cư trú: 100/81, Lê Văn Khương, ấp 5, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

25. Bùi Viết C, sinh năm 1987; nơi cư trú: 748/18 Hồng Bàng, phường 1, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

26. Trần Thị Linh G1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Kty3, xã Chư Kpo, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk.

27. Nguyễn Đức Q, sinh năm 1982; nơi cư trú: 84 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

28. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985; nơi cư trú: 44, Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

29. Trần Văn T1, sinh năm 1962; nơi cư trú: số 161, Quang Trung, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

30. Hồng Văn Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp An Quới, xã An Thanh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

31. Nguyễn Văn N, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp An Quới, xã An Thanh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

32. Vũ Đặng Toàn Th3, sinh năm 1996; nơi cư trú: 2773/19 Phạm Thế Hiển, phường 7, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

33. Nguyễn Phi L, sinh năm 1970; nơi cư trú: 171/16 Thới Tây 2, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

34. Trần Đình L, sinh năm 1976; nơi cư trú: 118/23 KP4, phường Hiệp Thành, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

35. Lê Bảo T3, sinh năm 1975; nơi cư trú: 186 H Bình, phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

36. Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Thanh Nguyên, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

37. Châu Duy Đ1, sinh năm 1983; nơi cư trú: 650, Phạm Văn Chí, phường 8, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

38. Võ Hồng H, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Cạn Ngọn A, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

39. Châu Duy Đ2, cư trú: 650, Phạm Văn Chí, phường 8, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

40. Lê Anh V, cư trú: số 9/1, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

41. Hồ Thị Thiên H, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Hàn Gòn, xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

42. Vũ Thị Kim Ph, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Hiệp Tâm, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

43. Trương Công Đ3, 56/21 Khu phố 3, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trịnh Tiến Tr, sinh năm 1994, nơi cư trú: ấp Mỹ Chánh, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh A.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Tiết Thái H bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 5/2015 H lập 2 trang web trên mạng Internet có tên miền quochungvietnam.mov.mn và taysonvietnam.mov.mn đăng tải các hình ảnh, rao bán các loại công cụ hổ trợ như súng bắn đạn hơi cay, súng bắn đạn cao su, đèn pin siêu sáng, dùi cui điện… đồng thời sử dụng chứng minh nhân dân số 352195030 của Trịnh Tiến Trọng, sinh năm 1994, H mở 02 tài khoản Ngân hàng số 070053863548 tại Ngân hàng Sài Gòn thương tín và số 200419489 tại Ngân hàng Á Châu đăng tải trên 02 trang web trên; ai có nhu cầu mua thì liên hệ các số điện thoại: 0919490114; 0981442144; 0942885602; 0975010800 của H để tư vấn sử dụng công cụ hỗ trợ, nếu ai mua thì chuyển tiền vào 1 trong 2 tài khoản đã đăng tải.

Sau khi nhận được tiền H sử dụng thẻ ATM rút tiền tiêu xài rồi nhắn tin cho người chuyển tiền là đã bị lừa đảo và tắt máy điện thoại. Với thủ đoạn trên từ ngày 10/7/2015 đến ngày 12/9/2016 H đã chiếm đoạt của 52 người với số tiền 380.722.000 đồng, cụ thể đã chiếm đoạt của:

1. Nguyễn Tiến Th, số tiền 2.500.000 đồng.

2. Nguyễn Thị Kim Nh, số tiền 4.210.000đồng.

3. Phan Thị Hồng D, số tiền 918.000đồng.

4. Nguyễn Thanh Tr, số tiền 2.700.000đồng.

5. Lê Hà Anh T,số tiền 4.000.000đồng.

6. Trần Thị Bích L, số tiền 100.000đồng.

7. Tô Kim M số tiền 100.000đồng.

8. Phạm Trung H số tiền 17.000.000đồng.

09. Vương Nhật M, số tiền 25.000.000đồng.

10. Phạm Huyền G, số tiền 11.500.000đồng.

11. Vũ Tiến T1, số tiền 25.000.000đồng.

12. Phạm Văn Th1, số tiền 13.800.000đồng.

13. Nguyễn Thế A, số tiền 2.000.000đồng.

14. Nguyễn Hoàng B, số tiền 14.000.000đồng.

15. Vũ Văn D, số tiền 13.000.000đồng.

16. Phạm Văn K, số tiền 2.300.000đồng.
17. Lê Minh Ph, số tiền 6.500.000đồng.
18. Lê Thanh D1, số tiền 8.000.000đồng.
19. Nguyễn Thành D2, số tiền 17.500.000đồng.
20. Dư Bình Ph1, số tiền 16.800.000đồng.
21. Phan Hoài H1, số tiền 4.600.000đồng.
22. Trần Thanh L, số tiền 700.000đồng.
23. Phạm Trường G1, số tiền 17.000.000đồng.
24. Tô Thanh T2, số tiền 3.000.000đồng.
25. Bùi Viết C, số tiền 2.200.000đồng.
26. Trần Thị Linh G2, số tiền 8.500.000đồng.
27. Nguyễn Đức Q, số tiền 3.500.000đồng.
28. Nguyễn Ngọc H2, số tiền 10.000.000đồng.
29. Trần Văn T3, số tiền 9.000.000đồng.
30. Hồng Văn Đ, số tiền 3.500.000đồng.
31. Nguyễn Văn N, số tiền 2.000.000đồng.
32. Vũ Đặng Toàn Th2, số tiền 1.580.000đồng.
33. Nguyễn Phi L1, số tiền 2.500.000đồng.
34. Trần Đình L2, số tiền 6.500.000đồng.
35. Lê Bảo T4, số tiền 1.000.000đồng.
36. Nguyễn Minh Tr, số tiền 6.800.000đồng.
37. Châu Duy Đ, số tiền 9.500.000đồng.
38. Võ Hồng H, số tiền 2.521.000đồng.
39. Châu Duy Đ1, số tiền 9.500.000đồng.
40. Lê Anh V, số tiền 12.800.000đồng.
41. Hồ Thị Thiên H, số tiền 10.000.000đồng.
42. Vũ Thị Kim Ph, số tiền 13.200.000đồng.
43. Trương Công Đ3, số tiền 17.600.000đồng.

Ngày 03/5/2017, Tiết Thái H bị khởi tố để điều tra.

Vật chứng thu giữ:

-1 thẻ ATM của NH Sacombank tên Trịnh Tiến Tr
-1 thẻ ATM của NH Á Châu tên Trịnh Tiến Tr
-1 ĐT Nokia 5310 màu xanh đen
-1 ĐT HTC One
-1 DDT Iphone màu đen
-1 lap top HP 642 màu ghi bạc

-1 thẻ ATM của Vietcombank

-1 thẻ ATM của BIDV

-1 thẻ ATM của ACB

-1 thẻ đa năng của DongA Bank

-1 thẻ thanh toán của Sacombank

-1 điện thoại hiệu HTC One

-1 điện thoại hiệu Samsung GT-S7580

-1 điện thoại Black Berry

Cùng 02 sim điện thoại

* Kết luận giám định số 231 ngày 28/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A:

Máy tính xách tay hiệu HP G42 màu xám đen có ký hiệu MAY – 2015080PLN thu giữ của Tiết Thái H, kết luận:

- Trích xuất 09 ảnh có nội dung liên quan đến trang Web có tên miền quochungvietnam.mov.mn và taysonvietnam.mov.mn trong máy tính hiệu HP, có ký hiệu MAY – 2015080PLN.

- Trang Web có tên miền quochungvietnam.mov.mn và taysonvietnam.mov.mn còn tồn tại trên mạng Internet.

- Trích xuất 21 ảnh có nội dung của trang Web có tên miền quochungvietnam.mov.mn và taysonvietnam.mov.mn.

* Kết luận giám định số 232 ngày 31/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A:

- Trích xuất điện thoại di động hiệu HTC ONE M8, màu xám đen không có hình ảnh liên quan đến vụ việc;

- Trích xuất điện thoại di động hiệu HTC ONE V, màu đen bạc không có hình ảnh liên quan đến vụ việc;

- Trích xuất điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy Trend Plus, màu đen, không có hình ảnh liên quan đến vụ việc;

- Trích xuất điện thoại di động hiệu IPHONE 5, màu xám đen, 93 ảnh liên quan đến vụ việc;

- Trích xuất điện thoại di động hiệu NOKIA XpressMusic, màu xanh đen không có hình ảnh liên quan đến vụ việc;

- Điện thoại di động hiệu BLACKBERRY 9630, màu đen, không mở được nguồn.

Ngày 03/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ban hành Quyết định khởi tố bị can đối với Tiết Thái H.

Ngày 08/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A ban hành Quyết định số 14/QĐ-KSĐT.TA chuyển vụ án Tiết Thái H về tội "Sử dụng mạng internet thực

hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố theo thẩm quyền.

Tại bản Cáo trạng số 44/VKS-HS ngày 05/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D đã truy tố bị cáo Tiết Thái H về tội "Sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 226b Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

- Người bị hại các ông, bà Nguyễn Tiến Th; Phan Thị Hồng D; Nguyễn Thanh Tr; Lê Hà Anh T; Phạm Huyền G; Vũ Tiến T1; Phạm Văn Th1; Nguyễn Thế A; Nguyễn Hoàng B; Vũ Văn D; Phạm Văn K; Lê Minh Ph; Lê Thanh D; Nguyễn Thành D1; Dư Bình P; Phan Hoài H; Trần Thanh L; Phạm Trường G; Tô Thanh T2; Bùi Viết C; Trần Thị G; Nguyễn Đức Q; Nguyễn Ngọc H; Trần Văn T3; Hồng Văn Đ; Nguyễn Văn N; Vũ Đặng Toàn Th; Nguyễn Phi L; Trần Đình L1; Lê Bảo T3; Nguyễn Minh Tr; Châu Duy Đ1; Võ Hồng H1; Hồ Thị Thiên H2 và Vũ Thị Kim Ph, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trịnh Tiến Tr đã thể hiện ý kiến trong lời khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 226b Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét bị cáo H đã phạm tội liên tục nhiều lần là tình tiết tăng nặng định khung, ngoài ra bị cáo còn thực hiện hành vi mang tính chuyên nghiệp. Đây là các tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo sử dụng mạng internet lừa đảo mua bán, đưa ra những thông tin sai sự thật về một sản phẩm, một vấn đề, lĩnh vực trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu trên mạng nhằm tạo niềm tin cho người chủ tài sản, người quản lý tài sản, làm cho họ tưởng là thật và mua, bán hoặc đầu tư vào lĩnh vực đó nhằm chiếm đoạt tài sản, gây mất lòng tin của nhân dân nên đề nghị có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện động viên người nhà trả lại số tiền bị chiếm đoạt cho người bị hại để khắc phục hậu quả, gia đình bị cáo có công với cách mạng và được tặng huân chương kháng chiến hạn nhất và ba, bị cáo là lao động duy nhất nuôi mẹ già. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, p, q khoản 1 và 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị xem xét áp

dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH 14, trong đó quy định về hình phạt về tội "Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo Điều 290 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 nhẹ hơn quy định tại Điều 226b BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, vì vậy cần vận dụng Điều 290 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt cho phù hợp; điểm a khoản 3 Điều 226b, các điểm b, p, q khoản 1 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù, về tội "Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản". Về hình phạt tiền, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, người bị hại có yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mà bị cáo chiếm đoạt như: Các ông, bà Lê Hà Anh T–4.000.000đ; Phạm Huyền G–11.500.000đ; Vũ Tiến T1–13.800.000; Nguyễn Hoàng B–14.000.000đ Vũ Văn D-13.000.000đ; Lê Thanh D1-8.000.000đ; Dư Bình Ph-16.800.000đ; Phan Hoài H- 4.600.000đ; Trần Thanh L-700.000; Phạm Trường G1-17.000.000đ; Tô Thanh T2- 3.000.000đ; Bùi Viết C-2.200.000đ; Trần Thị G- 8.500.000đ; Nguyễn Đức Q-3.500.000đ; Nguyễn Ngọc H-10.000.000đ; Trần Văn T-9.000.000đ; Vũ Đặng TH-1.580.000đ; Nguyễn Phi L-2.500.000đ; Trần Đình L1-6.500.000đ; Lê Bảo T2-1.000.000đ; Nguyễn Minh Tr-6.800.000đ; Châu Duy Đ-9.500.000đ.

Về xử lý vật chứng áp dụng điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS, đề nghị tịch thu sung quỹ 01 laptop HP 642 màu ghi bạc; 01 điện thoại Iphone màu đen. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM của NH SaconBank tên Trịnh Tiến Tr; 01 thẻ ATM của NH Á Châu tên Trịnh Tiến Tr. Hoàn trả cho bị cáo 01 điện thoại Nokia 5310 màu xanh đen; 01 điện thoại HTC One; 01 điện thoại hiệu Samsung GT-S7580; 01 điện thoại Black Berry cùng 02 sim điện thoại; 01 thẻ ATM của NH Vietcombank; 01 thẻ ATM của NH BIDV; 01 thẻ ATM của NH ACB; 01 thẻ đa năng của ĐongA Bank; 01 thẻ thanh toán của Sacombank.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

- *Về tố tụng:* Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, các người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trịnh Tiến Trvắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

- *Về nội dung*:

Về diễn biến sự việc: Bị cáo khai nhận, trước khi bị khởi tố, bị cáo làm nghề mua bán xe đã qua sử dụng dể bán lại cho người khác. Từ tháng 5/2015, bị cáo thiết lập 2 trang web trên mạng Internet có tên miền quochungvietnam.mov.mn và taysonvietnam.mov.mn đăng tải các hình ảnh, rao bán các loại công cụ hổ trợ như súng bắn đạn hơi cay, súng bắn đạn cao su, đèn pin siêu sáng, dùi cui điện…đồng thời sử dụng chứng minh nhân dân số 352195030 của Trịnh Tiến Trọng, sinh năm 1994, thường trú ập Mỹ Chánh, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh A mở 02 tài khoản Ngân hàng số 070053863548 tại Ngân hàng Sài Gòn thương tín và số 200419489 tại Ngân hàng Á Châu đăng tải trên 02 trang web trên; ai có nhu cầu mua thì liên hệ các số điện thoại: 0919490114; 0981442144; 0942885602; 0975010800 của H để tư vấn sử dụng công cụ hổ trợ, nếu ai mua thì chuyển tiền vào 1 trong 2 tài khoản đã đăng tải. Sau khi nhận được tiền H sử dụng thẻ ATM rút tiền tiêu xài rồi nhắn tin cho người chuyển tiền là đã bị lừa đảo và tắt máy điện thoại. Với thủ đoạn trên từ ngày 10/7/2015 đến ngày 12/9/2016 H đã chiếm đoạt của 52 người với số tiền 380.722.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố. Bên cạnh đó, lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của các người bị hại các ông, bà Nguyễn Tiến Th; Phan Thị Hồng D; Nguyễn Thanh Tr; Lê Hà Anh T; Phạm Huyền G; Vũ Tiến T1; Phạm Văn Th1; Nguyễn Thế A; Nguyễn Hoàng B; Vũ Văn D; Phạm Văn K; Lê Minh Ph; Lê Thanh D; Nguyễn Thành D1; Dư Bình P; Phan Hoài H; Trần Thanh L; Phạm Trường G; Tô Thanh T2; Bùi Viết C; Trần Thị G; Nguyễn Đức Q; Nguyễn Ngọc H; Trần Văn T3; Hồng Văn Đ; Nguyễn Văn N; Vũ Đặng Toàn Th; Nguyễn Phi L; Trần Đình L1; Lê Bảo T3; Nguyễn Minh Tr; Châu Duy Đ1; Võ Hồng H1; Hồ Thị Thiên H2 và Vũ Thị Kim Ph như sau: Về thời gian không nhớ rõ, khi lên mạng có nhìn thấy 02 trang Web có tên miền là quochungvietnam.mov.mn và taysonvietnam.mov.mn đăng tải các hình ảnh, thông tin về các loại công cụ hổ trợ như súng bắn đạn hơi cay, súng bắn đạn cao su, đèn pin siêu sáng, dùi cui điện… Trên Web do bị cáo lập ra, có đầy đủ hình ảnh, thông tin, giá tiền của các công cụ hổ trợ, có đầy đủ hình ảnh, thông tin, giá tiền của các công cụ hỗ trợ. Ngoài ra, trên trang web còn đăng thông tin cố điện thoại để các khách hàng có nhu cầu liên hệ như: 0919.490.114, 0981.442.144, 0942.885.602, 0975.010.800 và thông tin số tài khoản ngân hàng để khách hàng muốn mua công cụ hổ trợ chuyển tiền vào là 070053863548, tên chủ tài khoản Trịnh Tiến Tr tại ngân hàng Sacombank chi nhánh D và tài khoản 200419489 tại Ngân hàng Á Châu (ACB) chi nhánh D. Vì vậy, có điện vào một trong các số điện thoại trên và được một người nam tư vấn và đã gửi tiền vào 01 trong 02 số tài khoản trên (danh sách như Cáo trạng của Viện kiểm sát) và họ hứa sẽ giao hàng tận nơi, nhưng khi gửi tiền xong thì được nhận lại tin nhắn "đã bị lừa đảo", do không biết nguồn gốc của người nam này ở đâu nên hầu hết không báo chính quyền địa phương giải quyết vụ việc.

Đối với người có quyền, lợi nghĩa liên quan: Ông Trịnh Tiến Tr dùng giấy chứng minh nhân dân mở 02 tài khoản Ngân hàng giao cho bị cáo, Tr không biết

bị cáo H sử dụng 02 tài khoản này để thực hiện hành vi phạm tội, nên cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về tính chất hành vi của bị cáo:

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận, hàng ngày trước khi phạm tội bị cáo hành nghề mua bán xe ôtô, mô tô, xe gắn máy đã qua sử dụng tại thành phố D và các tỉnh miền tây. Đến khoảng tháng 09/2013 bị cáo có đăng tin với nội dung là mua bán công cụ hỗ trợ như súng bắn đạn hơi cay, súng bắn đạn cao su, đèn pin siêu sáng, dùi cui điện…trên các diễn đàn như cho phiến.com, enbien.com … Sau đó, khoảng tháng 4/2015, bị cáo tìm hiểu và lập 02 trang Web có tên miền là quochungvietnam.mov.mn và taysonvietnam.mov.mn đăng tải các hình ảnh, thông tin về các loại công cụ hổ trợ như súng bắn đạn hơi cay, súng bắn đạn cao su, đèn pin siêu sáng, dùi cui điện… Trên Web do bị cáo lập ra, có đầy đủ hình ảnh, thông tin, giá tiền của các công cụ hổ trợ. Các hình ảnh này do bị cáo tải về từ trên mạng internet. Ngoài ra, bị cáo còn đăng thông tin cố điện thoại để các khách hàng có nhu cầu liên hệ như: 0919.490.114, 0981.442.144, 0942.885.602, 0975.010.800 và thông tin số tài khoản ngân hàng để khách hàng muốn mua công cụ hổ trợ chuyển tiền vào là 070053863548, tên chủ tài khoản Trịnh Tiến Trọng tại ngân hàng Sacombank chi nhánh D và tài khoản tại ngân hàng ACB chi nhánh D. Các khách hàng có nhu cầu mua công cụ hổ trợ liên hệ với bị cáo, bị cáo sẽ tư vấn, rồi hướng dẫn cho họ chuyển tiền vào 02 tài khoản trên và hứa sẽ giao hàng tận nơi cho khách hàng. Khi khách hàng đồng ý mua hàng và chuyển tiền vào tài khoản, thì bị cáo nhắn tin nói với khách hàng "đã bị lừa đảo", sau đó tắt nguồn điện thoại và bỏ sim số. Ngay sau đó, bị cáo đến thùng ATM để rút tiền rồi chi xài cho mục đích cá nhân. Thực sự bị cáo không có các dụng cụ hổ trợ như đã đăng tin trên mạng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như đã nêu trên của bị cáo là vi phạm quy định của pháp luật.

Từ đó, có cơ sở xác định, bị cáo lợi dụng việc mua bán hàng hóa bằng công nghiệp hiện đại và lợi dụng lòng tin của những người dân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của những người bị hại.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lợi dụng lòng tin của những người dân có nhu cầu bảo vệ bản thân bằng các dụng cụ hổ trợ nhằm chiếm đoạt tài sản của 52 người bị hại từ ngày 10/7/2015 đến ngày 12/9/2016 với số tiền 380.722.000 đồng như bị cáo thừa nhận tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 226b Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Đáng lẽ, bị cáo phải ra sức phấn đấu để phát huy nghề mua bán các loại xe ôtô và mô tô đã qua sử dụng, tạo thêm uy tín, lòng tin của nhân dân. Nhưng vì hám lợi, lợi dụng sự thiếu hiểu biết pháp luật, lòng tin của những người bị hại, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Cho nên, cần tuyên hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, theo quy định có lợi cho bị cáo tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, trong đó quy định về hình phạt về tội "Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo Điều 290 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 nhẹ hơn quy định tại Điều 226b BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, vì vậy cần vận dụng Điều 290 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt cho phù hợp. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năng hối cải; bị cáo đã tự nguyện động viên gia đình nộp để khắc phục một phần hậu quả. Ngoài ra gia đình bị cáo có công với cách mạng và được tặng huân chương kháng chiến hạn nhất và ba; đồng thời bị cáo là lao động duy nhất trực tiếp nuôi mẹ già có được xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, xét áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử chuyển khung liền kề giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ ham lợi, muốn có tiền tiêu xài cho cá nhân mà không phải tốn công sức của bản thân, nên dấng thân vào con đường phạm tội. Nhưng do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm của những người bị hại là không tra cứu kỷ việc rao bán trên mạng internet nên mới bị bị cáo chiếm đoạt tài sản.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trọng đã cho bị cáo mượn giấy chứng minh nhân dân đến ngân hàng mở tài khoản của mình để bị cáo dùng làm phương tiện nhận tiền từ những người bị hại. Tuy nhiên, ông Trọng không biết bị cáo sử dụng số tài khoản của mình vào việc phạm tội. Vì vậy, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông Trọng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, các người bị hại có yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các ông, bà bà Lê Hà Anh T–4.000.000đ; Phạm Huyền G–11.500.000đ; Vũ Tiến T1–13.800.000; Nguyễn Hoàng B–14.000.000đ Vũ Văn D-13.000.000đ; Lê Thanh D1-8.000.000đ; Dư Bình Ph-16.800.000đ; Phan Hoài H- 4.600.000đ; Trần Thanh L-700.000; Phạm Trường G1-17.000.000đ; Tô Thanh T2- 3.000.000đ; Bùi Viết C-2.200.000đ; Trần Thị G-8.500.000đ; Nguyễn Đức Q-3.500.000đ; Nguyễn Ngọc H-10.000.000đ; Trần Văn T-9.000.000đ; Vũ Đặng TH-1.580.000đ; Nguyễn Phi L-2.500.000đ; Trần Đình L1-6.500.000đ; Lê Bảo T2-1.000.000đ; Nguyễn Minh Tr-6.800.000đ; Châu Duy Đ-9.500.000đ và áp dụng Thông tư liên tịch số 10/2012TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC về cách xử lý tội phạm về lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông, các người bị hại khác có quyền yêu cầu về phần dân sự khi có yêu cầu bằng vụ án khác khi trong bản án chưa xác định được họ tên và địa chỉ bị hại.

Về xử lý vật chứng, tịch thu sung quỹ 01 laptop HP 642 màu ghi bạc; 01 điện thoại Iphone màu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM của NH Sacombank

tên Trịnh Tiến Tr; 01 thẻ ATM của NH Á Châu tên Trịnh Tiến T. Hoàn trả cho bị cáo 01 điện thoại Nokia 5310 màu xanh đen; 01 điện thoại HTC One; 01 điện thoại hiệu Samsung GT-S7580; 01 điện thoại Black Berry cùng 02 sim điện thoại; 01 thẻ ATM của NH Vietcombank; 01 thẻ ATM của NH BIDV; 01 thẻ ATM của NH ACB; 01 thẻ đa năng của Đông Á Bank; 01 thẻ thanh toán của Sacombank.

Bị cáo phải án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tiết Thái H phạm tội *"Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"*;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 226b, các điểm b, p, q khoản 1 và 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Tiết Thái H: *05 (năm) năm tù*.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ 09/5/2017 *(ngày chín, tháng năm, năm hai nghìn không trăm mười bảy).*

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các Điều 604, 605, 606 và 608 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Buộc bị cáo Tiết Thái H hoàn trả cho các ông, bà bà Lê Hà Anh T– 4.000.000đ; Phạm Huyền G–11.500.000đ; Vũ Tiến T1–13.800.000; Nguyễn Hoàng B–14.000.000đ Vũ Văn D-13.000.000đ; Lê Thanh D1-8.000.000đ; Dư Bình Ph-16.800.000đ; Phan Hoài H- 4.600.000đ; Trần Thanh L-700.000; Phạm Trường G1-17.000.000đ; Tô Thanh T2- 3.000.000đ; Bùi Viết C-2.200.000đ; Trần Thị G- 8.500.000đ; Nguyễn Đức Q-3.500.000đ; Nguyễn Ngọc H-10.000.000đ; Trần Văn T-9.000.000đ; Vũ Đặng TH-1.580.000đ; Nguyễn Phi L-2.500.000đ; Trần Đình L1-6.500.000đ; Lê Bảo T2-1.000.000đ; Nguyễn Minh Tr-6.800.000đ; Châu Duy Đ-9.500.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

- Tịch thu sung quỹ 01 laptop HP 642 màu ghi bạc; 01 điện thoại Iphone màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM của NH SaconBank tên Trịnh Tiến Tr; 01 thẻ ATM của NH Á Châu tên Trịnh Tiến Tr.

- Hoàn trả cho bị cáo 01 điện thoại Nokia 5310 màu xanh đen; 01 điện thoại HTC One; 01 điện thoại hiệu Samsung GT-S7580; 01 điện thoại Black Berry cùng 02 sim điện thoại; 01 thẻ ATM của NH Vietcombank; 01 thẻ ATM của NH BIDV; 01 thẻ ATM của NH ACB; 01 thẻ đa năng của Đông Á Bank; 01 thẻ thanh toán của Sacombank.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhân dân thành phố D với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D).

Áp dụng Điều 98, Điều 99, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Tiết Thái H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.374.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng bị cáo phải chịu 8.574.000 (tám triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người bị hại, ông Trịnh Tiết Trọng là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Quang Chân